

CÔNG TY CỔ PHẦN IN PHÚC YÊN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Hà Nội - Tháng 3 năm 2014

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN IN PHÚC YÊN

Đường Trần Phú, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Phúc Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Phúc Yên được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 243/2003/QĐ-BCN ngày 31/12/2003 của Bộ Công Nghiệp về việc chuyển Nhà máy In và Văn hoá phẩm Phúc Yên thành Công ty Cổ phần In Phúc Yên. Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 2005.

Theo giấy đăng ký kinh doanh 2500228165 (số cũ 1903000075) đăng ký lần đầu ngày 24/02/2004 và thay đổi lần thứ 3 ngày 11/04/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp, Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất các sản phẩm in và bao bì;
- Sản xuất và mua bán các sản phẩm từ giấy;
- Mua bán, xuất nhập khẩu các vật tư thiết bị ngành in và giấy theo quy định hiện hành của Nhà nước;
- Dịch vụ cho thuê nhà.
- Mua bán ô tô./.

Vốn điều lệ của Công ty trên Đăng ký doanh nghiệp là: 15.000.000.000 đồng (*Mười năm tỷ đồng chẵn*)

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Trần Phú - phường Trưng Nhị - Thị xã Phúc Yên - tỉnh Vĩnh Phúc.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần In Phúc Yên được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị	Ông Trần Lê Tuấn	Chủ tịch HĐQT
	Ông Phạm Văn Hưng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Hồng Thủy	Ủy viên
	Ông Hà Văn Yên	Ủy viên
	Ông Trần Văn Hoan	Ủy viên
Ban Giám đốc	Ông Trần Lê Tuấn	Giám đốc
	Ông Hà Văn Yên	Phó Giám đốc
	Ông Trần Văn Hoan	Phó Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN IN PHÚC YÊN

Đường Trần Phú, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Kiểm soát	Bà Phạm Thị Việt Hà	Trưởng ban kiểm soát
	Ông Vũ Văn Hoàng	Thành viên
	Bà Bùi Thị Mận	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Tư vấn thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA - IAFC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2013 cho Công ty. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Kiểm toán viên không có bất kỳ quan hệ kinh tế hoặc quyền lợi kinh tế với Công ty như: góp vốn cổ phần, cho vay hoặc vay vốn từ khách hàng, là cổ đông chi phối của khách hàng hoặc ký kết hợp đồng gia công dịch vụ, đại lý tiêu thụ hàng hóa...

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Cam kết khác:

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 có hiệu lực từ ngày 01/06/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành Công ty Cổ phần In Phúc Yên phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.



Trần Lê Tuấn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội ngày 10 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Phúc Yên**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần In Phúc Yên, được lập ngày 10 tháng 3 năm 2014, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính trên báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Phúc Yên tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Quốc Hùng

Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0295-2013-146-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA -IAFC

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2014

Đinh Thế Hùng

Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1917-2013-146-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		39.847.143.469	30.744.004.091
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	3.677.620.873	6.113.317.304
1. Tiền	111		3.677.620.873	94.567.304
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.018.750.000
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.759.707.449	11.069.545.432
1. Phải thu khách hàng	131		9.550.324.325	10.869.545.432
2. Trả trước cho người bán	132		209.383.124	200.000.000
III- Hàng tồn kho	140	4	24.544.573.041	12.682.719.568
1. Hàng tồn kho	141		24.544.573.041	13.117.802.775
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(435.083.207)
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.865.242.106	878.421.787
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.711.242.106	737.035.917
2. Thuế và các khoản khác phải thu	154		-	3.385.870
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		154.000.000	138.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.308.002.633	9.573.849.575
I- Tài sản cố định	220		23.558.542.231	9.573.849.575
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5	23.558.542.231	9.573.849.575
- Nguyên giá	222		64.408.662.577	42.881.229.598
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.850.120.346)	(33.307.380.023)
II- Tài sản dài hạn khác	260		749.460.402	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6	749.460.402	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		64.155.146.102	40.317.853.666

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

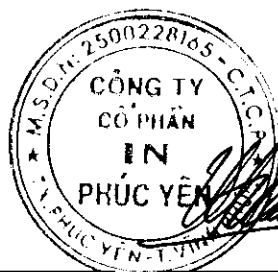
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		42.044.033.285	18.476.200.849
I- Nợ ngắn hạn	310		37.194.033.285	18.476.200.849
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	7	17.573.209.761	3.333.474.000
2. Phải trả người bán	312		16.062.050.665	11.930.393.283
3. Người mua trả tiền trước	313		8.020.250	218.797.545
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	8	1.197.728.634	970.104.470
5. Phải trả người lao động	315		778.320.154	613.690.254
6. Chi phí phải trả	316	9	351.006.000	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn	319	10	695.381.448	622.461.352
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		528.316.373	787.279.945
II- Nợ dài hạn	330		4.850.000.000	-
1. Vay và nợ dài hạn	334	11	4.850.000.000	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.111.112.817	21.841.652.817
I- Vốn chủ sở hữu	410	12	22.111.112.817	21.841.652.817
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.530.000.000	1.530.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.765.926.959	2.765.926.959
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.621.778.222	1.487.048.222
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.193.407.636	1.058.677.636
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		64.155.146.102	40.317.853.666

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
1. Nợ khó đòi đã xử lý	005		113.526.258	113.526.258

Hoàng Thu Thủy

Phạm Thị Thúy Yên



Hoàng Thu Thủy

Người lập biểu

Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 3 năm 2014

Phạm Thị Thúy Yên

Kế toán trưởng

Trần Lê Tuấn

Giám đốc

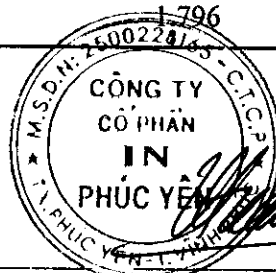
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	107.823.467.849	82.927.877.354
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14	-	2.415.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	15	107.823.467.849	82.925.462.354
4. Giá vốn hàng bán	11	16	98.381.383.871	73.437.976.429
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.442.083.978	9.487.485.925
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	223.606.627	494.286.387
7. Chi phí tài chính	22	18	777.769.158	638.551.978
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		777.769.158	638.551.978
8. Chi phí bán hàng	24		2.639.167.205	2.319.311.799
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.552.105.762	3.502.324.428
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.696.648.480	3.521.584.107
11. Thu nhập khác	31		-	130.554.207
12. Chi phí khác	32		78.968.532	-
13. Lợi nhuận khác	40		(78.968.532)	130.554.207
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.617.679.948	3.652.138.314
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	924.162.121	639.124.205
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.693.517.827	3.013.014.109
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	1.796	2.054

Hoàng Thu Thủy

Phạm Thị Thúy Yên



Hoàng Thu Thủy
Người lập biểu
Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 3 năm 2014

Phạm Thị Thúy Yên
Kế toán trưởng

Trần Lê Tuấn
Giám đốc

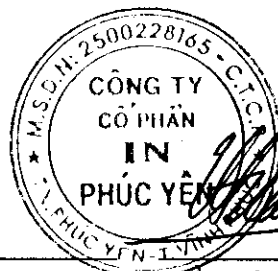
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và	01	106.023.395.135	78.511.816.048
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và	02	(79.676.324.046)	(53.118.217.652)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(11.068.125.100)	(8.993.823.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	05	(426.763.158)	(638.551.978)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(356.656.234)	(870.544.621)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.130.926.187	1.222.551.286
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.566.138.466)	(136.682.346)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.060.314.318	15.976.547.737
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(22.276.893.381)	(4.861.030.302)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và	22		54.545.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của	23	(7.327.000.000)	(57.768.960.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	7.327.000.000	51.750.210.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận	27	223.606.627	494.286.387
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.053.286.754)	(10.330.948.461)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		9.530.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	32.961.906.000	14.794.974.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(21.076.881.995)	(21.629.446.008)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.327.748.000)	(2.742.079.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.557.276.005	(46.551.008)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.435.696.431)	5.599.048.268
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.113.317.304	514.269.036
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.677.620.873	6.113.317.304

Hoàng Thu Thủy

Phạm Thị Thúy Yên



Hoàng Thu Thủy

Phạm Thị Thúy Yên

Trần Lê Tuấn

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 3 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần In Phúc Yên được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 243/2003/QĐ-BCN ngày 31/12/2003 của Bộ Công Nghiệp về việc chuyển Nhà máy In và Văn hoá phẩm Phúc Yên thành Công ty Cổ phần In Phúc Yên. Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 2005. Theo giấy đăng ký kinh doanh 2500228165 (số cũ 1903000075) đăng ký lần đầu ngày 24/02/2004 và thay đổi lần thứ 3 ngày 11/04/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp, Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất các sản phẩm in và bao bì;
- Sản xuất và mua bán các sản phẩm từ giấy;
- Mua bán, xuất nhập khẩu các vật tư thiết bị ngành in và giấy theo quy định hiện hành của Nhà nước;
- Dịch vụ cho thuê nhà.
- Mua bán ô tô./.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; các Chuẩn mực kế toán và các văn bản hướng dẫn thực hiện kèm theo; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (Tiếp theo)***Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ.

Chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền****1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:**

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính “Quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp”. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho****2.1 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm, trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng. Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết trong việc thanh toán trong thời gian tới).

4. Phương pháp ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình:

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Tài sản cố định	Thời gian sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 15 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3- 8 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài phần lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần vốn chủ sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát tài sản và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

6. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

7. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:**7.1. Chi phí trả trước:**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

7.2. Chi phí khác:

Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

7.3. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**8.1 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8.2 Trích Bảo hiểm thất nghiệp:

Bảo hiểm thất nghiệp được trích, nộp theo hướng dẫn tại Nghị định 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về Bảo hiểm thất nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Trong năm, Công ty đang tạm phân phối lợi nhuận sau thuế theo Biên bản họp HĐQT số 20 ngày 31/12/2013.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**10.1 Doanh thu bán hàng**

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ : Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

10.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

13. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

14. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**3. TIỀN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	72.649.450	4.076.003
Tiền gửi ngân hàng	3.604.971.423	90.491.301
Các khoản tương đương tiền	-	6.018.750.000
Cộng	3.677.620.873	6.113.317.304

4. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	19.381.104.738	8.430.523.792
Công cụ, dụng cụ	15.619.081	11.152.663
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.528.576.888	1.108.991.191
Thành phẩm	3.619.272.334	3.567.135.129
Cộng giá gốc hàng tồn kho	24.544.573.041	13.117.802.775
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	435.083.207
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	24.544.573.041	12.682.719.568

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***MẪU B 09-DN****5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2013	8.569.658.237	30.932.684.773	2.598.182.805	780.703.783	42.881.229.598
Tăng trong năm	1.452.953.140	19.390.076.182	559.227.272	512.995.362	21.915.251.956
Mua trong năm		19.390.076.182	559.227.272	512.995.362	20.462.298.816
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.452.953.140		-	-	1.452.953.140
Giảm trong năm	25.275.000	223.488.198	17.778.451	121.277.328	387.818.977
Giảm khác	25.275.000	223.488.198	17.778.451	121.277.328	387.818.977
Số dư tại 31/12/2013	9.997.336.377	50.099.272.757	3.139.631.626	1.172.421.817	64.408.662.577
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2013	7.204.928.444	23.885.432.574	1.880.341.259	336.677.746	33.307.380.023
Tăng trong năm	588.215.213	6.774.407.200	397.000.837	170.936.050	7.930.559.300
Khấu hao trong năm	588.215.213	6.774.407.200	397.000.837	170.936.050	7.930.559.300
Giảm trong năm	25.275.000	223.488.198	17.778.451	121.277.328	387.818.977
Giảm khác	25.275.000	223.488.198	17.778.451	121.277.328	387.818.977
Số dư tại 31/12/2013	7.767.868.657	30.436.351.576	2.259.563.645	386.336.468	40.850.120.346
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2013	1.364.729.793	7.047.252.199	717.841.546	444.026.037	9.573.849.575
Tại 31/12/2013	2.229.467.720	19.662.921.181	880.067.981	786.085.349	23.558.542.231

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

5.963.219.767

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

24.891.933.109

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

<i>Chi tiết theo đối tượng</i>	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	749.460.402	-
Cộng	749.460.402	-

7. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng Công thương, CN Phúc Yên (*)	1.731.303.761	
Vay CBNV (**)	20.691.906.000	3.333.474.000
Cộng	22.423.209.761	3.333.474.000

(*) *Vay cán bộ nhân viên có kỳ hạn 3-9 tháng, lãi suất bình quân là từ 9% -12%/ năm, vay vốn để bổ sung vốn lưu động. Cho vay tín chấp*

(**) *Khoản vay cán bộ công nhân viên bằng hình thức tín chấp, lãi suất được thả nổi theo lãi suất ngân hàng. Thời hạn vay từ 6-12 tháng.*

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	589.193.126
Thuế thu nhập doanh nghiệp	828.252.946	223.761.898
Thuế thu nhập cá nhân	98.703.540	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	270.772.148	157.149.446
Cộng	1.197.728.634	970.104.470

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	351.006.000	-
Cộng	351.006.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***10. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	39.873.880	63.617.880
Bảo hiểm xã hội	69.498.568	24.486.472
Phải trả về cổ phần hóa	-	20.600.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	586.009.000	513.757.000
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>586.009.000</i>	<i>513.757.000</i>
Cộng	695.381.448	622.461.352

11. VAY VÀ NỢ VAY DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay đối tượng khác	4.850.000.000	-
Cộng	4.850.000.000	-

Là khoản huy động vốn nhân rồi trung hạn của cán bộ nhân viên Công ty có thời gian từ 24-36 tháng. Lãi suất thả nổi theo bình quân liên ngân hàng, biên độ 3%-5%. Mục đích vay là đầu tư TSCĐ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN PHÚC YÊN

Đường Trần Phú, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

MẪU B 09-DN

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2012	7.000.000.000	-	2.765.926.959	140.597.934	939.254.476	921.722.450	-	11.767.501.819
Tăng trong năm	8.000.000.000	1.530.000.000	-	-	547.793.746	136.955.186	3.013.014.109	13.227.763.041
Tăng vốn năm trước	8.000.000.000				273.883.373	136.955.186		8.410.838.559
Lãi năm trước							3.013.014.109	3.013.014.109
Tăng khác		1.530.000.000			273.910.373			1.803.910.373
Giảm nguồn vốn	-	-	-	140.597.934	-	-	3.013.014.109	3.153.612.043
Trả cổ tức							2.135.836.000	2.135.836.000
Giảm khác				140.597.934			877.178.109	1.017.776.043
Số dư tại 31/12/2012	15.000.000.000	1.530.000.000	2.765.926.959	-	1.487.048.222	1.058.677.636	-	21.841.652.817
Số dư tại 01/01/2013	15.000.000.000	1.530.000.000	2.765.926.959	-	1.487.048.222	1.058.677.636	-	21.841.652.817
Tăng trong năm	-	-	-	-	134.730.000	134.730.000	2.693.517.827	2.962.977.827
Tăng vốn năm nay					134.730.000	134.730.000		269.460.000
Lãi năm nay							2.693.517.827	2.693.517.827
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	2.693.517.827	2.693.517.827
Tạm ứng cổ tức đợt I năm 2013							2.400.000.000	2.400.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển							134.730.000	134.730.000
Trích quỹ dự phòng tài chính							134.730.000	134.730.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi							24.057.827	24.057.827
Số dư tại 31/12/2013	15.000.000.000	1.530.000.000	2.765.926.959	-	1.621.778.222	1.193.407.636	-	22.111.112.817

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	3.662.560.000	3.662.560.000
Vốn góp của đối tượng khác	11.337.440.000	11.337.440.000
Cộng	15.000.000.000	15.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu.

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	15.000.000.000	15.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	15.000.000.000	15.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.327.748.000	2.742.079.000

d. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên ngày 20/04/2013 đã quyết định chia cổ tức năm 2012 là 16% và tạm chia Cổ tức năm 2013 là 16% trên vốn điều lệ trên vốn điều lệ và Công ty đã thực hiện chi trả hết bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng trong năm 2013.

e. Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.500.000	1.500.000
Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.500.000	1.500.000
Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	10.000	10.000

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các quỹ của doanh nghiệp:		
Quỹ đầu tư phát triển	1.621.778.222	1.487.048.222
Quỹ dự phòng tài chính	1.193.407.636	1.058.677.636

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH:****13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	107.600.789.444	82.526.879.436
Doanh thu cung cấp dịch vụ	222.678.405	400.997.918
Cộng	107.823.467.849	82.927.877.354

14. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	-	2.415.000
Cộng	-	2.415.000

15. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thuần	107.823.467.849	82.925.462.354
Cộng	107.823.467.849	82.925.462.354

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng đã bán	98.381.383.871	73.437.976.429
Cộng	98.381.383.871	73.437.976.429

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	223.606.627	494.286.387
Cộng	223.606.627	494.286.387

CÔNG TY CỔ PHẦN IN PHÚC YÊN

Đường Trần Phú, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	777.769.158	638.551.978
Cộng	777.769.158	638.551.978

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	924.162.121	639.124.205
Cộng	924.162.121	639.124.205

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.617.679.948	3.652.138.314
+ Các khoản điều chỉnh tăng	78.968.534	-
- Các khoản chi không được trừ	78.968.534	-
Tổng thu nhập chịu thuế	3.696.648.482	3.652.138.314
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	924.162.121	913.034.579
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	273.910.374
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	924.162.121	639.124.205

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2013	Năm 2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	2.693.517.827	3.013.014.109
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.693.517.827	3.013.014.109
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.500.000	1.466.794
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.796	2.054

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	59.503.141.579	59.728.253.368
Chi phí nhân công	12.633.643.084	10.259.360.682
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.930.559.300	4.661.030.302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.335.030.752	3.028.355.102
Chi phí khác bằng tiền	388.968.532	1.596.324.586
Cộng	83.791.343.247	79.273.324.040

22. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

22.1 Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.677.620.873		6.113.317.304	
Phải thu khách hàng	9.550.324.325	-	10.869.545.432	-
Cộng	13.227.945.198	-	16.982.862.736	-

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	VND	VND	VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	22.423.209.761		3.333.474.000	
Phải trả người bán	16.062.050.665		11.930.393.283	
Chi phí phải trả	351.006.000		-	
Các khoản phải trả khác	695.381.448		622.461.352	
Cộng	39.531.647.874		15.886.328.635	

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, không bao gồm các khoản trích lập dự phòng phải thu.

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch vay và nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc một đối tác không đáp ứng được nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tính hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2013	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	17.573.209.761	4.850.000.000		22.423.209.761
Phải trả người bán	16.062.050.665			16.062.050.665
Chi phí phải trả	351.006.000			351.006.000
Các khoản phải trả khác	695.381.448			695.381.448
Cộng	34.681.647.874	4.850.000.000	-	39.531.647.874
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	3.333.474.000	-		3.333.474.000
Phải trả người bán	11.930.393.283			11.930.393.283
Các khoản phải trả khác	622.461.352			622.461.352
Cộng	15.886.328.635	-	-	15.886.328.635

Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

22.2 Những khoản nợ tiềm tàng

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***22.3 Thông tin hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình

22.4 Thông tin về báo cáo theo bộ phận.

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Năm 2013 công ty không có hoạt động kinh doanh mua bán ô tô mà chủ yếu là các hoạt động liên quan đến việc gia công in và sản xuất bao bì các loại theo đó không có sự khác biệt đáng kể về lĩnh vực kinh doanh, đồng thời Công ty hoạt động tại một bộ phận địa lý chính là tỉnh Vĩnh Phúc nên không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế của các bộ phận theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo theo bộ phận.

22.5 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán & Kiểm toán AVINA-IAFC. Một số chỉ tiêu kỳ trước đã được phân loại lại để phù hợp với số liệu so sánh kỳ này.

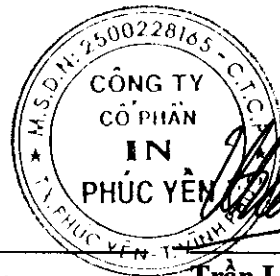

Hoàng Thu Thủy

Người lập biểu

Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 3 năm 2014


Phạm Thị Thúy Yên

Kế toán trưởng

**Trần Lê Tuấn**

Giám đốc